



PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Phiên bản 9.2

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất

27.08.2022

Ngày in 25.09.2022

theo quy định (EC) số 1907/2006

MSDS CHUNG CHO KHỐI EU- KHÔNG CÓ DỮ LIỆU CỤ THỂ CHO TỪNG QUỐC GIA- KHÔNG CÓ DỮ LIỆU OEL

Phần 1: Nhận dạng hóa chất/chất pha chế và nhận dạng công ty/công việc

1.1 Nhận dạng của sản phẩm

Tên sản phẩm	:	Ethyl acetate
Số sản phẩm	:	270989
Nhãn hiệu	:	QuangTrungChem
Chỉ số-Số	:	607-022-00-5
REACH số	:	01-2119475103-46-XXXX
Số CAS	:	141-78-6

1.2 Các ứng dụng đã biết của chất hoặc hỗn hợp và khuyến nghị sử dụng với:

Các sử dụng đã được xác định : Các hoá chất phòng thí nghiệm, Sản xuất hóa chất định và khuyến cáo

1.3 Chi tiết về nhà cung cấp Bảng dữ liệu an toàn

Công ty	:	CÔNG TY TNHH SX TM QUANG TRUNG QUANG TRUNG TRADING PRODUCTION CO. Ltd
Điện thoại	:	+84 936 383 235
Fax	:	+84 936 383 235
Địa chỉ e-mail	:	hoachatquangtrung@gmail.com

1.4 Số điện thoại liên hệ trong trường hợp khẩn cấp

Số Điện thoại Khẩn cấp : +84 936 383 235

Phần 2: Nhận dạng nguy cơ

2.1 Sự phân loại hóa chất hoặc hỗn hợp

Phân loại theo Quy định (EC) No 1272/2008

Chất lỏng dễ cháy (Cấp 2), H225

Kích ứng mắt (Cấp 2), H319

Độc tính đến cơ quan cụ thể sau phơi nhiễm đơn (Cấp 3), Hệ hô hấp, H336

Để xem chi tiết nội dung của Bảng kê H đề cập đến trong mục này, xem mục 16.

2.2 Các yếu tố nhãn

Ghi nhãn theo quy định (EC) No 1272/2008

Chữ tượng hình



Từ cảnh báo

Nguy hiểm

Cảnh báo nguy hiểm

H225

Hơi và chất lỏng rất dễ cháy.

H319

Gây kích ứng mắt nghiêm trọng.

H336

Có thể gây buồn ngủ hoặc chóng mặt.

Các lưu ý phòng ngừa

P210

Đề xa các nguồn nhiệt/tia lửa/lửa /các bề mặt nóng. - Không hút thuốc.

P233

Đóng chặt thùng chứa.

P240

Tiếp đất và kết nối tất cả các thùng chứa và thiết bị thu nhận.

P241

Sử dụng các thiết bị điện/ thông gió/ chiếu sáng/ chống cháy nổ.

P242

Sử dụng các dụng cụ không gây ra tia lửa điện.

P305 + P351 + P338

NẾU TIẾP XÚC LÊN MẮT: Rửa cẩn thận bằng nước trong vài phút. Tháo kính áp tròng nếu đang đeo và dễ thực hiện. Tiếp tục rửa.

Các bản kê nguy cơ bổ sung (EU)

EUH066

Phơi nhiễm lặp đi lặp lại có thể làm khô hoặc rạn da.

Nhãn dán loại nhỏ (<= 125 ml)

Chữ tượng hình



Từ cảnh báo

Nguy hiểm

Cảnh báo nguy hiểm

không có gì

Các lưu ý phòng ngừa không có gì

Các bản kê nguy cơ bổ sung (EU)

EUH066

Phơi nhiễm lặp đi lặp lại có thể làm khô hoặc rạn da.

2.3 Các nguy cơ khác

Chất/hỗn hợp này không chứa các thành phần được xem là bền, tích lũy sinh học và độc hại (PBT), hoặc rất bền và tích lũy sinh học cao (vPvB) ở mức 0,1% hoặc cao hơn.

Phần 3: Thành phần/thông tin về các phụ liệu

3.1 Chất

Công thức : $C_4H_8O_2$
Trọng lượng phân tử : 88.11 g/mol
Số CAS : 141-78-6
Số EC : 205-500-4
Chỉ số-Số : 607-022-00-5

Thành phần	Phân loại	Nồng độ
Ethyl acetate		
Số CAS	141-78-6	Flam. Liq. 2; Eye Irrit. 2;
Số EC	205-500-4	STOT SE 3; H225, H319,
Chỉ số-Số	607-022-00-5	H336
Giới hạn nồng độ:		<= 100 %
20 %: STOT SE 3, H336;		

Để xem chi tiết nội dung của Bảng kê H đề cập đến trong mục này, xem mục 16.

Phần 4: Các biện pháp sơ cứu

4.1 Mô tả các biện pháp sơ cứu cần thiết

Lời khuyên chung

Đưa phiếu dữ liệu an toàn hoá chất này cho bác sỹ chăm sóc.

Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường hô hấp

Sau khi hít phải: không khí sạch. Gọi bác sỹ.

Trường hợp tai nạn tiếp xúc trên da

Trong trường hợp tiếp xúc với da: Cởi bỏ tất cả các quần áo bị nhiễm độc ngay lập tức. Rửa sạch da bằng nước/ tắm.

Trường hợp tai nạn khi tiếp xúc với mắt

Sau khi tiếp xúc với mắt: rửa sạch bằng nhiều nước. Gọi bác sĩ nhãn khoa. Gỡ bỏ kính áp tròng.

Trường hợp tai nạn theo đường tiêu hóa

Sau khi nuốt vào: cho nạn nhân uống nước ngay lập tức (nhiều nhất hai cốc). Tham vấn bác sĩ.

4.2 Các triệu chứng/tác hại nghiêm trọng tức thời và ảnh hưởng sau này

Các ảnh hưởng và triệu chứng quan trọng nhất được mô tả trên nhãn (tham khảo Phần 2.2) và/hoặc Phần 11.

4.3 Những dấu hiệu cần sự chăm sóc y tế tức thời và điều trị đặc biệt

chưa có dữ liệu

Phần 5: Các biện pháp cứu hộ

5.1 Các phương tiện chữa cháy

Các phương tiện chữa cháy thích hợp

Carbon đioxit (CO₂) Bột Bột khô

Các phương tiện chữa cháy không thích hợp

Đối với chất/hỗn hợp này, không có giới hạn tác nhân dập lửa nào được cung cấp.

5.2 Các nguy cơ đặc biệt bắt nguồn từ hóa chất và hỗn hợp

Carbon ôxit

dễ cháy

Chú ý tới ngọn lửa cháy lùi.

Các hơi này nặng hơn không khí và có thể lan toả dọc theo sàn nhà.

Có thể phát sinh khí hoặc hơi dễ cháy nguy hiểm khi có lửa.

Tạo thành hỗn hợp dễ nổ khi không khí ở nhiệt độ môi trường.

5.3 Lời khuyên dành cho lính cứu hộ

Trong trường hợp hỏa hoạn, đeo các dụng cụ thở cá nhân.

5.4 Thông tin khác

Di chuyển bình chứa khỏi nơi nguy hiểm và làm mát bằng nước. Ngăn chặn việc nước chữa cháy gây ô nhiễm cho nguồn nước mặt hoặc hệ thống nước ngầm.

Phần 6: Các biện pháp đối phó với sự cố phát thải

6.1 Trang thiết bị bảo hộ và quy trình ứng phó sự cố

Lời khuyên dành cho nhân viên trong trường hợp không khẩn cấp: Không được hít hơi, aerosol. Tránh tiếp xúc với hóa chất. Đảm bảo sự thông hơi đầy đủ. Để xa các nguồn nhiệt và các nguồn gây cháy. Sơ tán khỏi khu vực nguy hiểm, quan sát quy trình ứng phó khẩn cấp, tham khảo ý kiến chuyên gia. Về bảo hộ cá nhân, xem phần 8.

6.2 Các cảnh báo về môi trường

Không để sản phẩm đi vào hệ thống cống rãnh. Nguy cơ nổ.

6.3 Biện pháp, vật liệu vệ sinh sau khi xảy ra sự cố

Đậy cống. Thu thập, buộc và xả vết tràn. Quan sát các hạn chế về chất có thể (xem các phần 7 và 10). Giữ vai trò là chất hấp thụ chất lỏng (ví dụ Chemizorb®). Vứt bỏ đúng cách. Dọn sạch khu vực bị ảnh hưởng.

6.4 Xem các mục khác

Để xử lý, xem phần 13.

Phần 7: Xử lý và lưu trữ

7.1 Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi sử dụng, thao tác với hóa chất nguy hiểm

Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi sử dụng, thao tác với hóa chất nguy hiểm

Làm việc có mũ bảo hộ. Không hít chất/hỗn hợp. Tránh tạo ra hơi/thuốc xịt.

Lời khuyên khi bảo vệ khỏi cháy nổ

Để xa các ngọn lửa trần, các bề mặt nóng và các nguồn gây cháy. Thực hiện các biện pháp phòng ngừa để tránh sự phóng tĩnh điện.

Các biện pháp vệ sinh

Thay quần áo bẩn. Khuyến nghị bảo vệ da phòng ngừa. Rửa tay sau khi làm việc với hóa chất. Tra cứu các biện pháp phòng ngừa trong phần 2.2.

7.2 Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi bảo quản, bao gồm cả bất kỳ điều kiện xung khắc nào

Điều kiện lưu trữ

Đóng kín bình chứa, đặt tại nơi khô ráo và thông gió tốt. Để xa các nguồn nhiệt và các nguồn gây cháy.

Lớp cất giữ

Lớp lưu trữ của Đức (TRGS 510): 3: Chất lỏng dễ cháy

7.3 Sử dụng cụ thể

Ngoài các mục đích sử dụng được đề cập trong phần 1.2, không có cách sử dụng cụ thể nào khác được quy định

Phần 8: Kiểm soát phơi nhiễm/bảo vệ cá nhân

8.1 Các thông số kiểm soát

Các thành phần có các thông số cần kiểm soát tại nơi làm việc

Mức độ không bị ảnh hưởng. (DNEL)

Đối tượng áp dụng	Đường tiếp xúc	Ảnh hưởng đối với sức khỏe	Giá trị
Công nhân	Hít phải	Các ảnh hưởng cấp tính đến toàn bộ cơ thể	1468 mg/m ³
Công nhân	Hít phải	Các ảnh hưởng cấp tính cục bộ	1468 mg/m ³
Công nhân	Tiếp xúc với da	Các ảnh hưởng lâu dài đến toàn bộ cơ thể	63mg/kg trọng lượng cơ thể mỗi ngày
Công nhân	Hít phải	Các ảnh hưởng lâu dài đến toàn bộ cơ thể	734 mg/m ³
Công nhân	Hít phải	Các ảnh hưởng lâu dài cục bộ	734 mg/m ³
Khách hàng	Hít phải	Các ảnh hưởng cấp tính cục bộ, Các ảnh hưởng cấp tính đến toàn bộ cơ thể	734 mg/m ³
Khách hàng	Tiếp xúc với da	Các ảnh hưởng lâu dài đến toàn bộ cơ thể	37mg/kg trọng lượng cơ thể mỗi ngày
Khách hàng	Hít phải	Các ảnh hưởng lâu dài đến toàn bộ cơ thể	367 mg/m ³
Khách hàng	Nuốt phải	Các ảnh hưởng lâu dài đến toàn bộ cơ thể	4.5mg/kg trọng lượng cơ thể mỗi ngày
Khách hàng	Hít phải	Các ảnh hưởng lâu dài cục bộ	367 mg/m ³

Nồng độ không gây ảnh hưởng theo dự báo (PNEC)

Môi trường	Giá trị
Đất	0.24 mg/kg
Nước biển	0.026 mg/l
Nước ngọt	0.26 mg/l
Trầm tích biển	0.125 mg/kg
Trầm tích nước ngọt	1.25 mg/kg

8.2 Kiểm soát phơi nhiễm

Biện pháp và thiết bị bảo hộ cá nhân

Bảo vệ mắt/mặt

Sử dụng thiết bị bảo vệ mắt được thử nghiệm và phê duyệt theo tiêu chuẩn phù hợp của chính phủ như NIOSH (Hoa Kỳ) hoặc EN 166(EU). Kính bảo hộ

Bảo vệ da

Đề xuất này chỉ áp dụng cho sản phẩm được nêu trong tờ dữ liệu dụng được chỉ định. Khi hòa tan hoặc trộn với các hóa chất kha

tiếp xúc phun

Vật liệu: cao su butyl

Độ dày lớp tối thiểu 0.7 mm

Thời gian thấm: 120 min

vật liệu được thử nghiệm Butoject® (KCL 898)

Bảo vệ cơ thể

Quần áo bảo hộ chống tĩnh điện và chống cháy.

Bảo vệ hô hấp

Loại bộ lọc đề xuất: Bình lọc A (theo DIN 3181) cho hơi của các hợp chất hữu cơ

Công ty phải đảm bảo rằng việc bảo trì, lau chùi và kiểm tra thi dẫn của nhà sản xuất. Các phương pháp này phải được lập thành

Kiểm soát việc phơi nhiễm môi trường

Không để sản phẩm đi vào hệ thống cống rãnh. Nguy cơ nổ.

Phần 9: Các tính chất vật lý và hóa học

9.1 Thông tin cơ bản về các đặc tính vật lý và hóa học

- | | |
|-----------------------------------|-------------------------------|
| a) Trạng thái vật lý | trong suốt, thể lỏng |
| b) Màu sắc | không màu |
| c) Mùi đặc trưng | chưa có dữ liệu |
| d) Điểm/khoảng nóng chảy/đông đặc | Điểm/khoảng nóng chảy: -84 °C |
| e) Điểm sôi/khoảng sôi ban đầu | 76.5 - 77.5 °C |

- | | | |
|----|---|--|
| f) | Khả năng bắt cháy
(chất rắn, khí) | chưa có dữ liệu |
| g) | Giới hạn trên/dưới của
tính dễ cháy hoặc dễ nổ | Giới hạn dưới của cháy nổ: 2.2 %(V) |
| h) | Điểm cháy | -4 °C - cốc kín |
| i) | Nhiệt độ tự bốc cháy | chưa có dữ liệu |
| j) | Nhiệt độ phân hủy | chưa có dữ liệu |
| k) | Độ pH | chưa có dữ liệu |
| l) | Độ nhớt | Độ nhớt, động học: chưa có dữ liệu
Độ nhớt, động lực: chưa có dữ liệu |
| m) | Độ hòa tan trong nước | chưa có dữ liệu |
| n) | Hệ số phân tán: n-
octanol/nước | chưa có dữ liệu |
| o) | Áp suất hóa hơi | chưa có dữ liệu |
| p) | Mật độ | 0.90 g/cm ³ ở 20 °C |
| | Tỷ trọng tương đối | chưa có dữ liệu |
| q) | Tỷ trọng hơi tương đối | chưa có dữ liệu |
| r) | Đặc điểm hạt | chưa có dữ liệu |
| s) | Đặc tính cháy nổ | chưa có dữ liệu |
| t) | Đặc tính ôxy hóa | không |

9.2 Thông tin an toàn khác

chưa có dữ liệu

Phần 10: Tính ổn định và tính phản ứng

10.1 Khả năng phản ứng

Hơi có thể tạo hỗn hợp dễ nổ khi tiếp xúc với không khí.

10.2 Tính ổn định

Sản phẩm ổn định về mặt hóa học trong điều kiện môi trường chuẩn (nhiệt độ phòng).

10.3 Phản ứng nguy hiểm

Rủi ro bốc cháy hoặc tạo thành khí hoặc hơi dễ cháy với:

Phản ứng tỏa nhiệt với:

Flo

axit chlorosulfonic

Các chất oxy hóa mạnh

axit sulfuric bốc khói

Rủi ro nổ với:

lithium hiđrua nhôm

Các kim loại kiềm

hiđrua

Các kim loại đất kiềm

Có thể phản ứng mạnh với:

Các axit mạnh và bazơ mạnh

10.4 Các điều kiện cần tránh

Làm ẩm.

10.5 Vật liệu không tương thích

đồ nhựa khác nhau, Các chất oxy hóa mạnh

10.6 Phản ứng phân hủy và các sản phẩm độc của phản ứng phân hủy

xem phần 5 Trong trường hợp hỏa hoạn: xem phần 5

Phần 11: Thông tin độc học

11.1 Thông tin về các ảnh hưởng độc sinh thái

Độc cấp tính

LD50 Đường miệng - Chuột - 5,620 mg/kg

Ghi chú: (RTECS)

Hít phải: chưa có dữ liệu

LD50 Da - Thỏ - con đực - > 20,000 mg/kg

Ghi chú: (ECHA)

Ăn mòn/kích ứng da

Da - Thỏ

Kết quả: Không gây kích ứng da

Ghi chú: (IUCLID)

Tổn thương mắt nghiêm trọng/kích ứng mắt

Gây kích ứng mắt nghiêm trọng. Được phân loại theo Quy định (EU) 1272/2008, Phụ lục VI (Bảng 3.1/3.2)

Kích thích hô hấp hoặc da

Thử nghiệm cực đại - Chuột lang

Kết quả: Âm tính

(Hướng dẫn xét nghiệm OECD 406)

Đột biến tế bào mầm (tế bào gen)

Loại kiểm nghiệm: UDS (Xét nghiệm tổng hợp ADN không có lịch trình)

Hệ thống thử nghiệm: Escherichia coli

Sự hoạt hóa trao đổi chất: Có hoặc không có sự hoạt hoá trao đổi chất

Phương pháp: US-EPA

Kết quả: Âm tính

Loại kiểm nghiệm: Xét nghiệm Ames

Hệ thống thử nghiệm: Salmonella typhimurium

Sự hoạt hóa trao đổi chất: Có hoặc không có sự hoạt hoá trao đổi chất

Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 471

Kết quả: Âm tính

Loại kiểm nghiệm: Xét nghiệm nhiễm sắc thể bất thường trong ống nghiệm

Hệ thống thử nghiệm: các tế bào trứng của chuột đồng Trung quốc

Sự hoạt hóa trao đổi chất: Có hoặc không có sự hoạt hoá trao đổi chất

Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 473

Kết quả: Âm tính

Loại kiểm nghiệm: Kiểm tra vi hạt nhân

Loài: Chuột đồng Trung quốc

Loại tế bào: Hồng cầu (erythrocytes)

Lộ trình ứng dụng: Đường miệng

Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 474

Kết quả: Âm tính

Tác nhân gây ung thư

Sản phẩm này là hoặc có chứa một thành phần không được phân loại là chất gây ung thư dựa trên phân loại IARC, ACGIH, NTP hoặc EPA của nó.

Độc tính sinh sản

chưa có dữ liệu

Độc tính đến cơ quan cụ thể sau phơi nhiễm đơn

Có thể gây buồn ngủ hoặc chóng mặt. - Hệ thần kinh trung ương

Ghi chú: Được phân loại theo Quy định (EU) 1272/2008, Phụ lục VI (Bảng 3.1/3.2)

Độc tính đến cơ quan cụ thể sau phơi nhiễm lặp lại

chưa có dữ liệu

Nguy hại hô hấp

chưa có dữ liệu

11.2 thông tin thêm

Đặc tính phá vỡ nội tiết

Sản phẩm:

Đánh giá

Chất/hỗn hợp này không chứa thành phần có các đặc tính gây rối loạn nội tiết theo Điều 57 (f) REACH hoặc theo Quy định Ủy quyền của Ủy ban Châu Âu (EU) 2017/2100 hoặc Quy định của Ủy ban Châu Âu (EU) 2018/605 ở mức 0,1% hoặc cao hơn.

Lượng độc lặp lại - Chuột - Đực và cái - Đường miệng - 92 Days - Mức ảnh hưởng có hại không quan sát được - 900 mg/kg - Mức ảnh hưởng có hại thấp nhất có thể quan sát được - 3,600 mg/kg

RTECS: AH5425000

12.7 Các tác hại khác

chưa có dữ liệu

Phần 13: Các lưu ý về tiêu hủy

13.1 Các phương pháp xử lý chất thải

Sản phẩm

Xem www.retrologistik.com để biết quy trình về việc trả lại hóa chất và bình chứa hoặc liên hệ với chúng tôi nếu có câu hỏi nào khác.

Phần 14: Thông tin vận chuyển

14.1 Số hiệu UN

ADR/RID: 1173

IMDG: 1173

IATA: 1173

14.2 Tên vận chuyển đường biển

ADR/RID: ETHYL ACETATE

IMDG: ETHYL ACETATE

IATA: Ethyl acetate

14.3 (Các) nhóm nguy cơ về vận chuyển

ADR/RID: 3

IMDG: 3

IATA: 3

14.4 Nhóm hàng

ADR/RID: II

IMDG: II

IATA: II

14.5 Các nguy cơ ảnh hưởng môi trường

ADR/RID: không

IMDG Chất ô nhiễm đại dương:
không

IATA: không

14.6 Những cảnh báo đặc biệt mà người sử dụng cần lưu ý

chưa có dữ liệu

Phần 15: Thông tin pháp luật

15.1 Các thông tin pháp luật về an toàn, sức khỏe và môi trường đối với hóa chất

Phiếu dữ liệu an toàn này tuân theo yêu cầu của Châu Âu số 1907/2006 (REACH).

Luật pháp quốc gia

Seveso III: Chỉ thị 2012/18/EU của Quốc hội Châu Âu và : CÁC CHẤT LỎNG DỄ CHÁY

Hội đồng kiểm soát rủi ro tai nạn lớn liên quan đến các chất nguy hiểm

Các quy định khác

Lưu ý Hướng dẫn 94/33/EEC về bảo vệ người trẻ tuổi tại nơi làm việc.

15.2 Đánh giá An toàn Hóa chất

Đã tiến hành Đánh giá An toàn Hóa chất cho chất này.

Phần 16: Các thông tin khác

Nội dung chi tiết của Bảng kê H có liên quan đến mục 2 và 3.

EUH066	Phơi nhiễm lặp đi lặp lại có thể làm khô hoặc rạn da.
H225	Hơi và chất lỏng rất dễ cháy.
H319	Gây kích ứng mắt nghiêm trọng.
H336	Có thể gây buồn ngủ hoặc chóng mặt.

Thông tin khác

Các thông tin trên được cho là chính xác nhưng không có nghĩa là bao gồm tất cả và chỉ được sử dụng như một hướng dẫn. Thông tin trong tài liệu này dựa trên hiểu biết hiện tại chúng tôi và được áp dụng cho sản phẩm về các biện pháp phòng ngừa an toàn thích hợp. Thông tin này không phải là bảo đảm cho các đặc tính của sản phẩm. QUANGTRUNGCHEM và các Chi nhánh sẽ không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ thiệt hại nào do quá trình xử lý hoặc do tiếp xúc với sản phẩm trên. Xem www.quangtrungchem.com.vn và/hoặc mặt sau của hóa đơn hoặc phiếu giao hàng để biết thêm các điều khoản và điều kiện bán hàng.

Bản quyền 2022 của Công Ty TNHH SX TM Quang Trung. Giấy phép được cấp để tạo nhiều bản sao bằng giấy cho mục đích sử dụng nội bộ.

Cách xây dựng thương hiệu ở đầu trang hoặc cuối trang của tài liệu này có thể tạm thời không phù hợp trực quan với sản phẩm được mua khi chúng tôi chuyển đổi thương hiệu của mình. Tuy nhiên, tất cả thông tin trong tài liệu liên quan đến sản phẩm vẫn không thay đổi và phù hợp với sản phẩm được đặt hàng. Để biết thêm thông tin xin vui lòng liên hệ hoachatquangtrung@gmail.com.